

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Thu phúc

Bản án số: 45/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 02- 2024
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình -
Ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Hoàng
- Ông Nguyễn Văn Hòa

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Đào Công Minh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Phương Anh - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 456/2023/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 229/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1994. (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang.
- Bị đơn: Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1997. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc H trình bày: Chị Lê Thị Ngọc H và anh Nguyễn Thành L sống chung với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp

luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó kinh tế khó khăn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, thường xuyên cãi vã, tính tình không còn phù hợp, không còn tình cảm, anh **L** hay nhậu chửi khuyên bảo không nghe, anh chị không còn sống chung với nhau từ tháng 06/2021, anh chị có hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh **L**.

- Về con chung: Có 01 con chung **Nguyễn Thị Khánh B**, sinh ngày 15/01/2019, con đang sống với chị **H**. Sau khi ly hôn, chị **H** yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ chung ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh **Nguyễn Thành L** trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý và đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để làm việc nhưng anh **L** vẫn vắng mặt không lý do chính đáng nên không ghi được ý kiến của anh **L** và không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Việc Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết là đúng theo trình tự thủ tục và thẩm quyền, trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án cũng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, căn cứ hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị **Lê Thị Ngọc H** làm đơn yêu cầu được ly hôn với anh **Nguyễn Thành L**, có địa chỉ: **Ấp P, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang**. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa hôm nay, anh **L** đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ để dự phiên Tòa, nhưng anh **L** vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh **L**.

[2] Về nội dung: Chị **Lê Thị Ngọc H** và anh **Nguyễn Thành L** sống chung với nhau từ năm 2018 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị **H**, Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng chị **H** và anh **L** chung sống với nhau hạnh phúc thời gian đầu, sau đó đã xảy ra mâu

thuần, cả hai thường xuyên cãi vã, nguyên nhân do kinh tế khó khăn, chị **H** và anh **L** đã không còn sống chung từ năm 2021, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục hàn gắn và chung sống nên chị **H** yêu cầu ly hôn với anh **L**. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, đã tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn nhưng anh **L** đều không đến, điều này thể hiện tình trạng hôn nhân giữa chị **H** và anh **L** mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có đủ căn cứ để áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **H**

Về con chung: Có con chung **Nguyễn Thị Khánh B**, sinh ngày 15/01/2019, con đang sống với chị **H**. Sau khi ly hôn, chị **H** yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu được nuôi con của chị **H** thì thấy: Hiện nay con chung đang sống với chị **H**, được chị **H** chăm sóc nuôi dưỡng tốt, do đó nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của cháu, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị **H**, giao con chung cho chị **H** tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, anh **L** không phải cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: chị **H** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Lê Thị Ngọc H**.

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lê Thị Ngọc H** được ly hôn với anh **Nguyễn Thành L**.

Về con chung: **Giao con chung Nguyễn Thị Khánh B**, sinh ngày 15/01/2019, cho chị **H** nuôi dưỡng, giáo dục con chung, anh **L** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh **L** không trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung nhưng được quyền đến thăm nom con chung, không ai được ngăn cản anh **L** thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Ghi nhận chị **H** xác định không có nợ chung nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh chị trong thời kỳ sống chung thì chị **H** và anh **L** vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí: Chị **Lê Thị Ngọc H** phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0012127 ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- **UBND xã Định Mỹ;**
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, V.phòng.

Đinh Thị Thu Hằng